

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA NGOẠI NGỮ

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

I. Thông tin tổng quát

1. Tên môn học tiếng Việt: **TIẾNG ANH NÂNG CAO 2** - Mã môn học: GENG1340

2. Tên môn học tiếng Anh: Academic English 2

3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng

- | | |
|--|---|
| <input checked="" type="checkbox"/> Giáo dục đại cương | <input type="checkbox"/> Kiến thức chuyên ngành |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức cơ sở | <input type="checkbox"/> Kiến thức bổ trợ |
| <input type="checkbox"/> Kiến thức ngành | <input type="checkbox"/> Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp |

4. Số tín chỉ

Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
3TC	2 TC	1 TC	90 tiết

5. Phụ trách môn học

- a. Khoa phụ trách: Khoa Ngoại ngữ
- b. Giảng viên: TS. Bùi Thị Thục Quyên
- c. Địa chỉ email liên hệ: quyen.btt@ou.edu.vn
- d. Phòng làm việc: Phòng 503 - Số 35- 37 Hồ Hảo Hớn Q.1 Tp. Hồ Chí Minh

II. Thông tin về môn học

1. Mô tả môn học

Môn *Tiếng Anh Nâng cao 2* là môn học bắt buộc trong khung chương trình đào tạo chính thức dành cho sinh viên không chuyên tiếng Anh. Đây là môn học thứ hai trong 5 môn nhằm bổ sung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ để giúp sinh viên đạt trình độ tương đương trung cấp (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

2. Môn học điều kiện

Không

3. Mục tiêu môn học

Môn học nhằm giúp cho sinh viên có các kiến thức, kỹ năng, và thái độ sau:

Mục tiêu môn học	Mô tả	CĐR CTĐT phân bổ cho môn học
CO1	<p>Tiếp tục phát triển với Tiếng Anh giao tiếp và luyện tập các kỹ năng Nghe-Nói-Đọc-Viết cơ bản với các tình huống quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày;</p> <p>Tiếp tục rèn luyện tư duy phê phán cùng với các hoạt động thực hành kỹ năng;</p> <p>Bắt đầu làm quen với một số kiến thức mang tính trừu tượng, tìm và sử dụng thông tin đa dạng, lĩnh vực kiến thức nền khác nhau (văn hóa-xã hội);</p> <p>Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình;</p>	PLO 11.1

Mục tiêu môn học	Mô tả	CĐR CTĐT phân bổ cho môn học
CO2	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.	PLO 12

4. Chuẩn đầu ra (CĐR) môn học

Học xong môn học này, sinh viên đạt được kiến thức, kỹ năng, thái độ sau:

Mục tiêu môn học	CĐR môn học (CLO)	Mô tả CĐR
CO1	CLO1.1	- Có thể hiểu được ý chính và chi tiết của những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày như tái chế, bảo vệ môi trường, mẫu tin về lễ hội, mô tả công việc, mẫu phỏng vấn nhà khoa học, tầm quan trọng của khoa học kỹ thuật và phát minh;
	CLO1.2	- Thuyết trình về đề tài môi trường tự nhiên, văn hóa, mô tả cuộc sống và công việc; - Giao tiếp hằng ngày qua sở thích, phỏng vấn việc làm, lên kế hoạch du lịch;
	CLO1.3	- Có thể đọc hiểu được ý chính và chi tiết các bài báo, mẫu quảng cáo, chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến môi trường tự nhiên, văn hóa, mô tả cuộc sống và công việc. - Vận dụng tư duy phản biện để đánh giá đúng sai, phân tích quan điểm của tác giả, so sánh đối chiếu, đánh giá nguồn thông tin mà tác giả sử dụng;
	CLO1.4	- Có thể viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề về tiêu sử, báo cáo, các loại thư yêu cầu, viết CV, viết đoạn văn trình bày ý kiến và quan điểm của mình;
	CLO1.5	- Giao tiếp được một cách khá chính xác trong những ngữ cảnh quen thuộc; nhìn chung, có khả năng kiểm soát tốt mặc dù còn có sự ảnh hưởng đáng kể của tiếng mẹ đẻ. Có thể còn mắc lỗi, nhưng người sử dụng vẫn thể hiện được rõ ràng ý mình muốn truyền đạt. Sử dụng được một cách khá chính xác những thì Present Perfect, các cấu trúc câu Relative clause, Conditional Sentences quan tới những tình huống quen thuộc;
	CLO1.6	- Có đủ vốn từ để diễn đạt đơn giản về các chủ đề về tái chế, mô tả số liệu, mô tả công việc, sự kiện, tuổi tác, các động từ cơ bản dùng trong việc mô tả, hướng dẫn thao tác các hoạt động dùng Internet... tuy còn vòng vo;

Mục tiêu môn học	CĐR môn học (CLO)	Mô tả CĐR
	CLO1.7	- Phát âm: sounding friendly, cách đọc /ðə/ or /ði/, đọc các dạng viết tắt và nhấn mạnh, âm /w/, nối âm;
CO2	CLO2.1	- Có năng lực tự học;
	CLO2.2	- Có năng lực làm việc cặp/nhóm.

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

CLOs	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010	PL011	PL012
1.1											X	
1.2											X	
1.3											X	
1.4											X	
1.5											X	
1.6											X	
1.7											X	
2.1												X
2.2												X

5. Học liệu

a. Giáo trình

(1) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Life Pre-intermediate Student's Book*, 2nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 5 – Unit 8)

b. Tài liệu tham khảo

(2) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Life Pre- intermediate Online Workbook (OWB)*, 2nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 5 – Unit 8)

(3) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Grammar Practice Worksheets*, 2nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 5 – Unit 8). Retrieved at www.ngl.cengage.com dated August 19, 2019.

(4) Hughes J.; Stephenson, H., & Dummett, P. (2017). *Mono-lingual word list*, 2nd Edition. National Geographic Learning, Cengage Learning. (Unit 5 – Unit 8). Retrieved at www.ngl.cengage.com dated August 19, 2019.

6. Đánh giá môn học

Thành phần đánh giá (1)	Bài đánh giá (2)	Thời điểm (3)	CĐR môn học (4)	Tỷ lệ %	
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Bài tập online đi kèm theo các nội dung cụ thể được dạy trong môn học này	Suốt khóa học	CLO1.1; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1;	20%	
	A1.2 Điểm hoạt động Nói (GVNN)	Trong khóa học	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.2;	10%	
	A1.3 Kiểm tra kỹ năng Nói (GVVN)	Trong khóa học	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.2;	10%	
	A1.4 Kiểm tra Kỹ năng Nghe-Đọc theo dạng trắc nghiệm)	Trong khóa học	; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7	10%	
	Click or tap here to enter text.			Tổng cộng	50%
A2. Đánh giá cuối kỳ	A2.1 Thi cuối kì (Kỹ năng Nghe và kỹ năng Đọc theo dạng trắc nghiệm)	Tập trung vào cuối khóa	CLO1.1; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7	50%	
				Tổng cộng	50%
				Tổng cộng	100%

7. Kế hoạch giảng dạy

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Buổi 1 (4,5 tiết)	1 tiết INTRODUCTION TO THE COURSE				
GVVN	3,5 tiết UNIT 5: THE ENVIRONMENT Opener: Everyday objects <u>Listening:</u> Building a house from the recycled materials <u>Speaking:</u> Expressions for talking about objects. Part 5.a: Recycling <i>Nội dung chính</i> <u>Reading:</u> <i>E-rubbish.</i> Reading for main ideas and details <u>Vocabulary:</u> Recycling <u>Grammar:</u> Quantifiers <u>Speaking:</u> Presenting your opinions about “recycling” Part 5.b: Managing the environment <i>Nội dung chính</i> <u>Vocabulary:</u> Results and Figures	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 5 (xem cột 5 - bài đánh giá) (Sinh viên học lý thuyết tại	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 5 (5.a; 5.b; 5.c) - -	(1) Unit 5 (5. Opener; 5.a; 5.b; 5.c); (2) xem cột 5; (3) Unit 5; (4) Unit 5

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p><u>Listening:</u> Environmental projects <u>Grammar:</u> Articles <u>Pronunciation:</u> /ðə/ or /ði/ <u>Writing and Speaking:</u> Working in pair, writing 5 questions and then asking your partner.</p> <p>Part 5.c: A boat made of bottles <i>Nội dung chính</i> <u>Reading:</u> Reading for details “The Plastiki” <u>Critical Thinking:</u> Close reading <u>Word focus:</u> <i>Take</i> <u>Speaking:</u> Presentation “<i>Recycling in my hometown</i>”</p>		lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)		
Buổi 2 (4,5 tiết) GVVN	4,5 tiết Part 5.e: Emails about an order <i>Nội dung chính</i> <u>Writing:</u> Writing emails in formal words Part 5.f: Recycling Cairo <i>Nội dung chính</i> - <u>Vocabulary:</u> Key	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn,	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 5 (5.e; 5.review) Unit 6 (6.a)	(1) Unit 5 (5.e; 5.f; review) & Unit 6 (6.Opnener; 6.a) (2) xem cột

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>vocabulary in the video</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Watching the video</u> “<i>Recycling Cairo</i>” - <u>Listening</u>: Listening for details - <u>Writing</u>: Writing the summary of the video using provided words and expressions <p>Review and Memory Booster Review Unit 5</p> <p>UNIT 6: STAGES IN LIFE Opener: Life events <u>Vocabulary</u>: Stages in life and life events <u>Speaking</u>: Answering the given questions</p> <p>Part 6.a: Changing your life Nội dung chính <u>Reading</u>: Changing your life <u>Grammar</u>: to + infinitive <u>Vocabulary</u>: <i>describing age</i> <u>Pronunciation</u>: /tə/ <u>Speaking</u>: Presentation: “trip of a lifetime”</p>		<p>lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản</p> <ul style="list-style-type: none"> + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 5 & Unit 6 (xem cột 5 - bài đánh giá) <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		<p>5;</p> <p>(3) Unit 5 & Unit 6;</p> <p>(4) Unit 5 & Unit 6</p>

Tuần/ buổi học		Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Buổi 3 (4,5 tiết)	4,5 tiết	<p>Part 6.b: World party <i>Nội dung chính</i> <u>Grammar:</u> Future forms <u>Vocabulary:</u> Celebrations <u>Reading:</u> Reading for main ideas and details. Article: “<i>World party</i>” <u>Pronunciation:</u> Contracted forms <u>Speaking:</u> Presentation of a plan to hold a festival in your hometown.</p> <p>Part 6.c: Coming of Age <i>Nội dung chính</i> <u>Reading:</u> Reading “Coming of Age” <u>Vocabulary:</u> <i>get</i> <u>Speaking:</u> Describing an event</p> <p>Part 6.e: A wedding in Madagascar <i>Nội dung chính</i> <u>Writing:</u> Describing an event for the travel blog <u>Writing skills:</u> Descriptive adjectives</p>	CLO1.2; CLO1.3; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<p><u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm. + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Units 6 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3 tiết; thực hành tại lớp: 1,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 6 (6.b;6.c; 6.e)	(1) Unit 6 (6.b; 6.c; 6.e) (2) xem cột 5; (3) Unit 6; (4) Unit 6

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Buổi 4 (4.5 tiết) GVVN	4.5 tiết Part 6.f: Steel drums Nội dung chính - <u>Vocabulary</u> : Key vocabulary in the video - Watch the video “ Steel drums ” - <u>Listening</u> : Listen for details - <u>Speaking</u> : Discussion with provided questions Review and Memory Booster Review Unit 6. UNIT 7: WORK Opener: Adjectives describing works <u>Vocabulary</u> : Adjectives describing works <u>Speaking</u> : Describing jobs using simple words provided Part 7.a: Changes in Pennsylvania Nội dung chính <u>Listening</u> : Talking about the job	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2.	<u>Giảng viên</u> : + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên</u> : + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Units 6 và Unit 7 (xem cột 5 - bài đánh giá) (Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 6 (review) và Unit 7 (7.a; 7.b)	(1) Unit 6 (5.f; review) & Unit 7 (7.Opnener; 7.a; 7.b) (2) xem cột 5; (3) Unit 6 & Unit 7; (4) Unit 6 & Unit 7

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	<p>Reading: Reading “When jobs came to Pennsylvania”</p> <p>Grammar: Present perfect & Simple past</p> <p>Present perfect with for and since</p> <p>Speaking: Asking and answering with topic “My life” with Present perfect & Simple past</p> <p>Part 7.b: X-ray photographer</p> <p>Nội dung chính</p> <p>Vocabulary: Parts of a building</p> <p>Listening: Phone calls in an office</p> <p>Grammar: Prepositions of place and movement</p> <p>Pronunciation: /w/</p> <p>Speaking: Giving directions</p>					
Buổi 5 (4,5 tiết)	4,5 tiết	<p>Part 7.c: Twenty- first century cowboys.</p> <p>Nội dung chính</p> <p>Reading: Reading “Twenty-first century cowboys”</p> <p>Vocabulary: <i>make or do</i></p>	<p>CLO1.1;</p> <p>CLO1.2;</p> <p>CLO1.3;</p> <p>CLO1.4;</p> <p>CLO1.5;</p> <p>CLO1.6;</p> <p>CLO2.1;</p>	<p>Giảng viên:</p> <p>+ Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm</p> <p>+ Gọi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p>	<p>Bài tập online (làm ở nhà)</p> <p>Unit 7 (7.c; 7.e. 7.e; review)</p>	<p>(1) Unit 7 (7.c; 7.e; 7.f; review)</p> <p>(2) xem cột 5;</p>

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	<p><u>Speaking:</u> Job satisfactory</p> <p>Part 7.e: Applying for a job <i>Nội dung chính</i></p> <p><u>Writing:</u> Writing a CV <u>Writing skill:</u> Using phrases in writing a CV</p> <p>Part 7.f: My working life <i>Nội dung chính</i></p> <p>- <u>Vocabulary:</u> Key vocabulary in the video - Watch the video “My working life” - <u>Listening:</u> Listening for details - <u>Speaking:</u> Which job do you prefer?</p> <p>Review and Memory Booster Review Unit 7.</p>	CLO2.2.	<p><u>Sinh viên:</u></p> <p>+ Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 7 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		(3) Unit 7; (4) Unit 7	
Buổi 6 (4,5 tiết) GVVN	4,5 tiết	<p>UNIT 8: TECHNOLOGY Opener: Human actions</p> <p><u>Listening:</u> The importance of technology <u>Vocabulary:</u> Human actions <u>Speaking:</u> Answering the given questions and sharing with your friends</p>	<p>CLO1.1; CLO1.2; CLO1.3; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2</p>	<p><u>Giảng viên:</u></p> <p>+ Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p> <p><u>Sinh viên:</u></p>	<p>Bài tập online (làm ở nhà) Unit 8 (8.a; 8.b; 8.c)</p>	<p>(1) Unit 8 (8.Opener; 8.a; 8.b; 8.c)</p> <p>(2) xem cột 5;</p>

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>Part 8.a: Mobile technology Nội dung chính <u>Vocabulary:</u> Internet verbs <u>Reading:</u> Kamchatka project <u>Grammar:</u> Conditional sentence type <u>Speaking:</u> Asking and answering with the topic “<i>Planning a trip with technological gadgets</i>”</p> <p>Part 8.b: Invention for the eyes Nội dung chính <u>Speaking:</u> famous inventions <u>Listening:</u> A science programme <u>Grammar:</u> Defining relative clauses <u>Speaking:</u> Presentation “<i>Invention that benefits you in life</i>”</p> <p>Part 8.c: Designs from nature Nội dung chính <u>Reading:</u> Reading “Designs”</p>		<p>+ Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 8 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		<p>(3) Unit 8; (4) Unit 8</p>

Tuần/ buổi học		Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		<p>from nature” <u>Vocabulary:</u> Dependent prepositions <u>Speaking:</u> Interviewing people’s favourite technology <u>Critical thinking:</u> The writer’s sources</p>				
Buổi 7 (4,5 tiết) GVVN	4,5 tiết	<p>Part 8.e: An argument for technology <i>Nội dung chính</i> <u>Vocabulary:</u> Connecting words <u>Writing:</u> A paragraph</p> <p>Part 8.f: Ancient languages, modern technology - Watch the video “Ancient languages, modern technology” - <u>Listening:</u> Listening for details - <u>Speaking:</u> Discussing the given questions</p> <p>Review and Memory Booster Review Unit 8.</p>	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO2.1; CLO2.2	<p><u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết</p> <p><u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Units 8 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p>	Bài tập online (làm ở nhà) Unit 8 (8.e; review)	(1) Unit 8 (8.e; 8.f; review) (2) xem cột 5; (3) Unit 8; (4) Unit 8

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)		
Buổi 8 (4,5 tiết) GVVN	4,5 tiết Kiểm tra kỹ năng Viết (30 phút) Kiểm tra kỹ năng Nói	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.4; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2	<u>Giảng viên:</u> + Kiểm tra kỹ năng Viết và Nói (Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 0 tiết; thực hành tại lớp: 4,5 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)	BÀI KIỂM TRA VIẾT và NÓI	
Buổi 9 (4,5 tiết) GVNN	4,5 tiết Part 5.d: Online shopping <i>Nội dung chính</i> <u>Listening:</u> Listening for phones about an order <u>Reading:</u> Reading a company website and an email. <u>Pronunciation:</u> Sounding friendly <u>Speaking:</u> Roleplay making a phone call	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.5; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn,	Bài tập online (làm ở nhà) Bài tập online Unit 6 (6.d) & Unit 6 (6.d)	(1) Unit 5 (5.d) Unit 6 (6.d) (2) xem cột 5 (3) Unit 5 &

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	<p>Part 6.d: An invitation <i>Nội dung chính</i> <u>Vocabulary:</u> Descriptive Adjectives <u>Pronunciation:</u> Emphasizing words <u>Listening:</u> Invitations <u>Speaking:</u> Roleplay: invitations</p>		<p>lập lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 5 & Unit 6 (xem cột 5 - bài đánh giá)</p> <p>(Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)</p>		<p>Unit 6; (4) Unit 5 & Unit 6.</p>

Tuần/ buổi học	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	Tài liệu chính và tài liệu tham khảo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Buổi 10 (4,5 tiết) GVNN	4,5 tiết Part 7.d: A job interview Nội dung chính <u>Speaking:</u> Role play: <i>A job interview</i> <u>Vocabulary:</u> Job adverts; Headings in a CV Part 8.d: Gadgets Nội dung chính <u>Vocabulary:</u> Instructions <u>Pronunciation:</u> linking <u>Speaking:</u> Instructions of using a gadget ÔN TẬP CUỐI MÔN HỌC	CLO1.1; CLO1.2; CLO1.6; CLO1.7; CLO2.1; CLO2.2	<u>Giảng viên:</u> + Tổ chức cho sinh viên làm việc cá nhân hoặc theo cặp/nhóm + Gợi ý, cho nhận xét, và hỗ trợ sinh viên khi cần thiết <u>Sinh viên:</u> + Học ở lớp: nghe, nhìn, lặp lại theo mẫu, và làm thực hiện các hoạt động nhận biết thông tin và giao tiếp đơn giản + Làm việc cá nhân, hoặc theo cặp, nhóm + Học ở nhà: ôn nội dung đã học thông qua các bài tập online của Unit 7 và Unit 8 (xem cột 5 - bài đánh giá) (Sinh viên học lý thuyết tại lớp: 3,5 tiết; thực hành tại lớp: 1 tiết; thực hành online: 1,5 tiết; tự học ở nhà : 9 tiết)	Bài tập online (làm ở nhà) Bài tập online Unit 7 (7.d) & Unit 8 (8.d) -	(1) Unit 7 (7.d) & Unit 8 (7.d) (2) xem cột 5 (3) Unit7 & Unit 8; (4) Unit 7 & Unit 8.

8. Quy định của môn học

- Quy định về nộp bài tập, bài kiểm tra: Phải hoàn thành bài tập online đúng hạn theo từng tuần. Phải thi đầy đủ các kỹ năng của bài thi cuối kỳ.
- Quy định về chuyên cần: Phải tham dự ít nhất 80% thời lượng môn học. Sinh viên nghỉ quá 20% thời lượng môn học sẽ bị cấm thi cuối kỳ.
- Nội quy lớp học: Sinh viên phải chấp hành nội qui của nhà trường, có thái độ hòa nhã, lịch sự với giáo viên và các bạn cùng tham gia môn học.

TRƯỞNG KHOA

Giảng viên biên soạn

TS. Nguyễn Thúy Nga

TS. Bùi Thị Thục Quyên